

Số: *861*/SGD&ĐT-VP

Hoà Bình, ngày *26* tháng 4 năm 2019

V/v hướng dẫn báo cáo tổng kết
năm học 2018 - 2019.

Kính gửi:

- Các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trường học trực thuộc;
- Các trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDNN.

Thực hiện Chỉ thị số 2919/CT-BGD&ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019 của ngành Giáo dục; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2018-2019 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

Thực hiện Quyết định số 2071/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian từ năm học 2017-2018 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2018-2019 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hòa Bình,

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở; phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; các trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDNN; các đơn vị, trường học trực thuộc báo cáo tổng kết năm học 2018-2019. Nội dung cụ thể như sau:

I. Nội dung báo cáo tổng kết năm học 2018-2019

Các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT; phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; các trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDNN; các đơn vị, trường học trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 theo Chỉ thị số 2919/CT-BGD&ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019 của ngành Giáo dục; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2018-2019 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

II. Một số yêu cầu

- Báo cáo viết ngắn gọn; chủ yếu là số liệu: quy mô trường, lớp; số học sinh; số học sinh bỏ học trong năm học; số CBQL, giáo viên, nhân viên, chia theo biên chế, hợp đồng, trình độ chính trị (*theo Biểu 1a, 1b, 2, 3, 5a đối với Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; Biểu 4, 5b đối với trường CDSP, các trường THPT, PT DTNT, các trung tâm GDTX-GDNN, các trung tâm GDNN*) (*không được thay đổi*

biểu mẫu); chất lượng hai mặt giáo dục, so sánh tỷ lệ tăng, giảm với năm học 2017-2018.

- Báo cáo cần nêu rõ những khó khăn, vướng mắc của đơn vị, trường học và những kiến nghị, đề xuất.

- Đối với các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 tập trung vào việc đánh giá theo các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm đã nêu trong phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019 của ngành và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các Vụ chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các trường chuyên biệt (PT DTNT THCS, PT DTNT THCS&THPT, PT DTNT THPT, THPT chuyên Hoàng Văn Thụ) và các đơn vị, trường học khác như trường CĐSP; trung tâm GDTX tỉnh; trung tâm Kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp- Ngoại ngữ, Tin học; các trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDNN báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 trên cơ sở những hướng dẫn chung trên đây, ngoài ra, cần bổ sung thêm các nét riêng biệt đặc thù của đơn vị.

III. Thời gian nộp báo cáo: Chậm nhất ngày 05/6/2019.

IV. Nơi nhận báo cáo: Đồng chí Vũ Thị Thanh Hương - Chuyên viên Văn phòng Sở GD&ĐT. Điện thoại: 094.60.69.668. Email: vuhuong@hoabinh.edu.vn (lưu ý: tên file báo cáo viết không dấu và theo trình tự như sau: <tên trường>- <tên báo cáo >).

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT; phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; các trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDNN; các đơn vị, trường học trực thuộc báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019 theo các nội dung hướng dẫn và gửi báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT, VP.(VH05).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Thị Hương



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2018-2019

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi
2. Khó khăn
3. Quy mô

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018-2019

(9 nhiệm vụ và 5 nhóm giải pháp)

I. Nhiệm vụ

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo thực chất và bền vững (tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà); nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh ở các cấp học.
2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.
3. Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; chuẩn bị các điều kiện chuẩn bị thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới
4. Rà soát, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo
5. Quan tâm, chăm lo phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục vùng khó khăn
6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục
7. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục
8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục
9. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

II. Các nhóm giải pháp cơ bản

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp.
2. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo.
3. Thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục và đào tạo.
4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.
5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Hạn chế, yếu kém
3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm
4. Kiến nghị, đề xuất.



QUY MÔ SỐ TRƯỜNG NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 1a

ANH HÒA BÌNH																					
CHIA RA																					
TT	Phòng GD	TS trường	Công lập	Ngoài công lập	Mầm non			Tiểu học		THCS		TH&THCS		PTCS	Bản trú			Trường chuẩn quốc gia			Sắp nhập NH 18-19
					Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập		Tiểu học	THCS	TH&THCS	Tiểu học	THCS	TH&THCS	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
1	Kỳ Sơn	0	0	0																	
2	Lương Sơn	0																			
3	Thành phố	0																			
4	Cao Phong	0																			
5	Đà Bắc	0																			
6	Tân Lạc	0																			
7	Lạc Sơn	0																			
8	Mai Châu	0																			
9	Lạc Thủy	0																			
10	Yên Thủy	0																			
11	Kim Bôi	0																			
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Người lập biểu

Trưởng phòng

Lưu ý: Cột 3 = cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12+ cột 13 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17
Cột 4 = cột 6 + cột 8 + cột 10 + cột 12 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17
Cột 5 = cột 7 + cột 9 + cột 11+ cột 13



QUY MÔ SỐ LỚP NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 1b

THÀNH
HÒA
BÌNH

TT	Phòng GD	TS Lớp	Công lập	Ngoài công lập	CHIA RA											
					Mầm non		Tiểu học		THCS		TH&THCS		PTCS	Bản trú		
														Tiểu học	THCS	TH&THCS
					Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Kỳ Sơn	0	0	0												
2	Lương Sơn	0														
3	Thành phố	0														
4	Cao Phong	0														
5	Đà Bắc	0														
6	Tân Lạc	0														
7	Lạc Sơn	0														
8	Mai Châu	0														
9	Lạc Thủy	0														
10	Yên Thủy	0														
11	Kim Bôi	0														
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu

Trưởng phòng

Lưu ý: Cột 3 = cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12+ cột 13 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17
Cột 4 = cột 6 + cột 8 + cột 10 + cột 12 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17
Cột 5 = cột 7 + cột 9 + cột 11+ cột 13

QUY MÔ CBQL, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 2

TT	Phòng GD	Tổng số	Biên chế		Nhân viên	HD68	HD khác	Đơn vị trực thuộc phòng GD	Biên chế		Nhân viên	HD68	HD khác	Phòng GD	Biên chế		Nhân viên	HD68	Trung tập, Biệt phái	Ghi chú
			CBQL	Giáo viên					CBQL	Giáo viên					CBQL	Chuyên viên				
1	Kỳ Sơn	0	0	0	0	0	0	0						0						
2	Lương Sơn	0	0	0	0	0	0	0						0						
3	Thành phố	0	0	0	0	0	0	0						0						
4	Cao Phong	0	0	0	0	0	0	0						0						
5	Đà Bắc	0	0	0	0	0	0	0						0						
6	Tân Lạc	0	0	0	0	0	0	0						0						
7	Lạc Sơn	0	0	0	0	0	0	0						0						
8	Mai Châu	0	0	0	0	0	0	0						0						
9	Lạc Thủy	0	0	0	0	0	0	0						0						
10	Yên Thủy	0	0	0	0	0	0	0						0						
11	Kim Bôi	0	0	0	0	0	0	0						0						
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Người lập biểu

Trưởng phòng



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

PHÒNG SỞ.....

QUY MÔ SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 3

THÀNH HỮU
TỈNH HÒA BÌNH

TT	Phòng GD	Tổng số HS	Công lập	Ngoài công lập	CHIA RA												Bản trú		
					Mầm non		Tiểu học		THCS		TH&THCS		PTCS			TH&THCS S			
					Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
1	Kỳ Sơn	0	0	0															
2	Lương Sơn	0																	
3	Thành phố	0																	
4	Cao Phong	0																	
5	Đà Bắc	0																	
6	Tân Lạc	0																	
7	Lạc Sơn	0																	
8	Mai Châu	0																	
9	Lạc Thủy	0																	
10	Yên Thủy	0																	
11	Kim Bôi	0																	
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

Người lập biểu

Trưởng phòng

Lưu ý: Cột 3 = cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12+ cột 13 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17

Cột 4 = cột 6 + cột 8 + cột 10 + cột 12 + cột 14 + cột 15 + cột 16 + cột 17

Cột 5 = cột 7 + cột 9 + cột 11 + cột 13

[illegible]

Thủ trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HOA BÌNH



PHÒNG.....

SỐ LƯỢNG HỌC SINH BỎ HỌC NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 5a

TT	Phòng GD&ĐT	Tổng số HS đầu năm học	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %	Trong đó											
					Mầm non			Tiểu học			THCS			TH&THCS		
					TS HS đầu năm	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %	TS HS đầu năm	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %	TS HS đầu năm	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %	TS HS đầu năm	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %
1	Kỳ Sơn	0	#VALUE!	#VALUE!			#VALUE!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
2	Lương Sơn	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
3	Thành phố	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
4	Cao Phong	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
5	Đà Bắc	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
6	Tân Lạc	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
7	Lạc Sơn	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
8	Mai Châu	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
9	Lạc Thủy	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
10	Yên Thủy	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
11	Kim Bôi	0	0	#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!			#DIV/0!
	Tổng	0	#####	#VALUE!	0	#####	#VALUE!	0	0	#DIV/0!	0	0	#DIV/0!	0	0	#DIV/0!

Người lập biểu

Trưởng phòng



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HOA BÌNH

TRƯỜNG/TRUNG TÂM.....

SỐ LƯỢNG HỌC SINH BỎ HỌC NĂM HỌC 2018-2019

Biểu 5b

TT	Trường/Trung tâm	Tổng số HS đầu năm học	Học sinh bỏ học	Tỉ lệ %	Ghi chú

Người lập biểu

Thủ trưởng